TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2024/KDTM-ST
Ngày: 18 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Số E đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1955; HKTT: Số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 15/5/2023) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T1; Địa chỉ: Số B đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A đường Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty TNHH S do ông Phan Thanh T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) có mối quan hệ làm ăn với nhau nhiều năm. Các lần làm ăn trước đây, Công ty T1 đều thanh toán cho Công ty S đầy đủ. Tuy nhiên, đến năm 2020 Công ty T1 có yêu cầu Công ty S gia công và lắp ráp các hạng mục theo Phiếu xác nhận đơn đặt hàng số 26/2020 BGHP ngày 26/3/2020, cụ thể như sau:

- Khung sắt lắp cửa trượt căn X1/X2/Y1/Y2/Z1, số lượng là 271 bộ, đơn giá mỗi bộ 1.300.000 đồng, thành tiền là 352.300.000 đồng;

- CCLD Ty răng M16x250, 02 tán M16, 01 cao su – chặn bánh xe, số lượng là 271 bộ, đơn giá mỗi bộ là 35.000 đồng, thành tiền là 9.485.000 đồng.

Tổng giá trị gia công và lắp ráp là 361.785.000 đồng. Đơn giá trên bao gồm vật tư, gia công, lắp ráp tại công trình. Được thanh toán làm 04 đợt như sau:

+ Đợt 1: Tạm ứng 10% sau ký đơn đặt hàng;

+ Đợt 2: Thanh toán tới 70% cho mỗi đợt giao hàng;

+ Đợt 3: Thanh toán tới 90% sau khi lắp đặt xong tại công trình;

+ Đợt 4: Thanh toán tới 100% sau khi nghiệm thu bàn giao vơi công ty T1.

Thực hiện theo hợp đồng, Công ty S đã gia công và lắp đặt theo yêu cầu của công ty T1 tại dự án chung cư S, cụm B, một phần khu dân cư 13F (phía nam) đô thị mới nam thành phố, xã P, huyện B theo yêu cầu của công ty T1.

Công ty S đã hoàn thành việc lắp ráp cho Công ty T1 vào tháng 5 năm 2022, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/5/2022, theo đó Công ty T1 đã thanh toán được cho công ty S số tiền là 212.803.250 đồng và còn nợ số tiền là 148.981.750 đồng. Cũng tại biên bản xác nhận công nợ này, ông Lê Tấn L là người đại diện theo pháp của Công ty T1 tự mình viết "*Thanh toán cho H Phan hạn chót 30/08/2022* ". Tuy nhiên, hết thời hạn thanh toán đến nay Công ty T1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ theo biên bản xác nhận công nợ ngày 12/5/2022.

Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/5/2022 là 148.981.750 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật. Công ty S không yêu cầu tính lãi.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty T1 nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

- Đại diện bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 93, Điều 94, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 351 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 50. 55, 306 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 148.981.750 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2023 của nguyên đơn, Phiếu xác nhận đơn đặt hàng số 26/2020 BGHP ngày 26/3/2020 thể hiện Công ty T1 yêu cầu Công ty S gia công và lắp ráp khung sắt lắp cửa trượt và CCLD ty răng - chặn bánh xe tại các công trình. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng gia công.

Do bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán số tiền còn nợ theo Phiếu xác nhận đơn đặt hàng số 26/2020 BGHP ngày 26/3/2020 là 148.981.750 đồng.

Xét, P xác nhận đơn đặt hàng số 26/2020 BGHP ngày 26/3/2020 giữa Công ty S và Công ty T1 có thể xác định nội dung công việc của hợp đồng không vi phạm điều cấm, về hình thức đảm bảo quy định của pháp luật.

Theo Phiếu xác nhận đơn đặt hàng số 26/2020 BGHP ngày 26/3/2020, tổng giá trị Công ty S gia công và lắp ráp theo yêu cầu của Công ty T1 là 361.785.000 đồng. Và theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/5/2022, Công ty T1 đã thanh toán được cho công ty S số tiền là 212.803.250 đồng và còn nợ Công ty S số tiền là 148.981.750 đồng. Do đó, Công ty S yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền còn nợ 148.981.750 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 544, Điều 552 Bộ luật Dân sự.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/5/2022, ông Lê Tấn L là người đại diện theo pháp của Công ty T1 tự mình viết "*Thanh toán cho H Phan hạn chót 30/08/2022* ". Tuy nhiên, hết thời hạn thanh toán đến nay Công ty T1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 552 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng như nội dung phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, buộc Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty

S số tiền còn nợ là 148.981.750 đồng. Công ty T1 phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 148.981.750 đồng, do đó án phí Công ty T1 phải chịu là 7.449.088 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.724.544 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0006552 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 542, Điều 544, Điều 547, Điều 552 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S:

Buộc Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ của Phiếu xác nhận đơn đặt hàng số 26/2020 BGHP ngày 26/3/2020 là 148.981.750 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm tám mươi mốt nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.449.088 đồng (bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.724.544 đồng (ba triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0006552 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương